

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 64/2016/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 21 tháng 12 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Khung giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ  
trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

|                                  |                          |
|----------------------------------|--------------------------|
| CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ |                          |
| ĐẾN                              | Giờ: ... 5 ...           |
|                                  | Ngày: ... 03/01/2017 ... |

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;*

*Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;*

*Căn cứ Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 5965/TTr-STC ngày 16 tháng 12 năm 2016.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Mức thu**

Ban hành kèm theo Quyết định này Khung giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn tỉnh Bến Tre (có Phụ lục kèm theo).

**Điều 2. Tổ chức triển khai thực hiện**

Giao Sở Tài chính là đơn vị chủ trì phối hợp với Sở Công Thương và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng bảng giá cụ thể đối với từng chợ trên địa bàn tỉnh để ban hành và triển khai thực hiện.

**Điều 3. Quản lý và sử dụng**

1. Đối với chợ có Ban Quản lý chợ hoặc doanh nghiệp đầu tư thì giá sử dụng dịch vụ được xác định là khoản thu (doanh thu) của tổ chức, đơn vị thu, không phải khoản thu thuộc ngân sách. Tổ chức, đơn vị thu giá sử dụng dịch vụ có nghĩa vụ kê khai và nộp thuế theo quy định của pháp luật.

2. Đối với chợ do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý và tổ chức thu hoặc khoán thu thì giá sử dụng dịch vụ được xác định là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước và nộp 100% vào ngân sách xã theo quy định. Hàng năm, Ủy ban nhân dân xã lập dự toán các khoản chi phí cho công tác quản lý và duy tu, sửa chữa chợ vào dự toán chung ngân sách xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

#### **Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- Cục Kiểm tra VBQPPL –BTP (kiểm tra);
- TTTU, TT HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các Sở, ngành tỉnh;
- Website Chính Phủ, Cổng TTĐT tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Đài PT-TH, Báo Đồng Khởi;
- Ban Tiếp công dân (để niêm yết);
- N/c TCĐT, TH, TTTTĐT;
- Lưu: VT.



*[Handwritten signature]*  
**Cao Văn Trọng**



**Phụ lục**  
**KHUNG GIÁ DỊCH VỤ**  
**SỬ DỤNG ĐIỆN TÍCH BÁN HÀNG TẠI CHỖ**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 64/2016/QĐ-UBND  
ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

**1. Đối với trường hợp điểm kinh doanh trong nhà lồng, trong kiốt, ở tầng trệt**

DVT: đồng/m<sup>2</sup>/ngày/phiên chợ

| TT | Ngành hàng                                                                    | Chợ hàng 1      |               | Chợ hàng 2      |               | Chợ hàng 3      |               | Chợ nông thôn |
|----|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|---------------|
|    |                                                                               | Trong nội thành | Trong nội thị | Trong nội thành | Trong nội thị | Trong nội thành | Trong nội thị |               |
| 1  | Lương thực, thực phẩm, thực phẩm công nghệ và các hàng hóa khác               | 2.000-3.500     | 1.500-3.000   | 1.500-3.000     | 1.000-2.500   | 1.000-2.500     | 1.000-2.000   | 1.500         |
| 2  | Kim khí điện máy, vải sợi, may mặc sẵn, đồ dùng gia đình, văn hóa phẩm, ..... | 2.000-4.000     | 1.500-3.500   | 1.500-3.500     | 1.000-3.000   | 1.000-3.000     | 1.000-2.500   | 1.500         |
| 3  | Ăn, uống, giải khát                                                           | 2.000-3.500     | 1.500-3.000   | 1.500-3.000     | 1.000-2.500   | 1.000-2.500     | 1.000-2.000   | 1.500         |
| 4  | Thịt gia súc, gia cầm                                                         | 2.000-3.000     | 1.000-2.500   | 1.500-2.500     | 1.000-2.000   | 1.000-2.000     | 1.000-1.500   | 1.000         |
| 5  | Thủy hải sản                                                                  | 2.000-3.000     | 1.500-2.500   | 1.500-2.500     | 1.000-2.000   | 1.000-2.000     | 1.000-1.500   | 1.000         |
| 6  | Rau củ quả, hoa tươi                                                          | 2.000-3.000     | 1.500-2.500   | 1.500-2.500     | 1.000-2.000   | 1.000-2.000     | 1.000-1.500   | 1.000         |

**\* Ghi chú:**

- Nội thành: Trong nội ô thành phố
- Nội thị: Trong nội ô thị xã, thị trấn, thị tứ, tiểu vùng

**2. Đối với trường hợp điểm kinh doanh ở tầng lầu của chợ**

Mức thu giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng bằng 70% so với khung áp dụng đối với điểm kinh doanh trong nhà lồng, trong kiốt, ở tầng trệt

**3. Đối với trường hợp điểm kinh doanh ngoài nhà lồng, chợ không có nhà lồng**

Mức thu giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng bằng 60% so với khung áp dụng đối với điểm kinh doanh trong nhà lồng, trong kiốt, ở tầng trệt.